BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1691/QĐ-YDHP	*Hải Phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 4386/2011/QĐ-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng cho Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2003/2014/QĐ-BGDĐT ngày 04/06/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục về việc giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Nhi cho Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1331/QĐ- BGDĐT ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục về việc giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại Tiêu hóa, Nội Hô hấp cho Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 966/QĐ-BGDĐT ngày 15/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc chuyển đổi tên các ngành đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ của trường Đại Học Y Dược Hải Phòng theo thông tư 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các Khoa, Phòng, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-YDHP ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan, luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo; chất lương luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với quá trình đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Quy định này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Trường xây dựng, thẩm định và ban hành, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp Thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm:

a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

3. Các học phần ở trình độ tiến sĩ gồm 4 phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu, cụ thể như sau:

Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành thì không cần học phần bổ sung;

Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo, trường sẽ xác định các học phần bổ sung cần thiết;

Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng, đảm bảo tối thiểu 30 tín chỉ;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3-5 học phần với khối lượng từ 8-12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

c) Phần 3: Chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ (5 tín chỉ/chuyên đề); yêu cầu nâng cao năng lực nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 1 tiểu luận tổng quan (5 tín chỉ); yêu cầu thể hiện khả năng thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

d) Phần 4: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, được quy định chi tiết tại các Quy định của trường tùy theo yêu cầu của từng lĩnh vực, ngành đào tạo cụ thể. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh cần có 2 bài báo (theo tiêu chuẩn được quy định tại điểm a, mục 2, điều 5) trở lên trước khi bảo vệ cơ sở.

4. Trường được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật Giáo dục đại học.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng), bảo đảm phần lớn nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian này; mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập,

nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của trường.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính

và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo Quy định của trường và theo quy trường pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 05 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của trường;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế, quy định khác của trường.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có 1 bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng để tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo, những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết của thí sinh về lĩnh vực nghiên cứu, dự kiến sau khi tốt nghiệp, đề xuất người hướng dẫn.

2. Có 2 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng lĩnh vực, hoặc 01 thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng lĩnh vực và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;

b) Năng lực hoạt động chuyên môn;

c) Khả năng nghiên cứu;

d) Khả năng làm việc theo nhóm;

e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;

f) Triển vọng phát triển về chuyên môn;

g) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy định này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Giáo dục Đào tạo công bố.

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố (quy định tại phụ lục II) còn hiệu lực tính đến thời điểm dự tuyển; phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của trường.

Điều 8. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Việc tuyển sinh được tổ chức 01 hoặc nhiều lần trong năm

2. Phương thức tuyển sinh xét tuyển bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Trường có thể tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm:

a) Những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển;

b) Ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp;

c) Chỉ tiêu tuyển sinh;

d) Hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo và của trường.

4. Nội dung thông báo tuyển sinh do Hiệu trưởng chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của trường.

4. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Đơn xin dự tuyển;

b) Lý lịch khoa học;

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm đại học, sau đại học có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 3, Điều 7 của Quy định này và thâm niên công tác (nếu có).

e) Bài luận dự định nghiên cứu (theo mẫu do trường quy định).

f) Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng lĩnh vực, hoặc 01 thư giới thiệu của một nhà khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng lĩnh vực và 01 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức)

h) Các tài liệu liên quan khác theo thông báo tuyển sinh.

i) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, trường thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo quy định hiện hành.

6. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

7. Quy định của trường quy định chi tiết về kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh; quy định về lưu trữ phục vụ công tác quản lý, thẩm định, giám

sát, thanh tra và kiểm tra; quy định cụ thể trách nhiệm và chế tài xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này ở trường, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài trường theo Quy định của trường. Trong 24 tháng đầu, nghiên cứu sinh phải hoàn thành và bảo vệ xong 03 chuyên đề tiến sĩ và 01 chuyên đề tiểu luận tổng quan.

2. Trong quá trình học tập, vào đầu năm học nghiên cứu sinh phải gửi kế hoạch học tập về Khoa/bộ môn và Phòng Đào tạo sau đại học và báo cáo kết quả, tiến độ học tập 6 tháng/ lần (có mẫu ở phần phụ lục)

3. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại trường, nơi nghiên cứu sinh đang theo học.

4. Trường có thể tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

5. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo Quy định đào tạo trình độ đại học.

6. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh):

Ba năm tập trung đối với người có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành.

Bốn năm đối với người có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đào tạo

Năm năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học y đạt loại giỏi trở lên.

b) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại Điều 10 của quy định này.

7. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 10. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với trường về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

2. Thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyển cơ sở đào tạo được quy định cụ thể như sau:

Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian ra hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

3. Rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh; các trường hợp bị buộc thôi học và quy trình, thủ tục cho nghiên cứu sinh thôi học.

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 9 của Quy định này.

b) Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy định này: trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trước thời gian gia hạn học tập 6 tháng, nghiên cứu sinh gửi đơn xin gia hạn, công văn của cơ quan về lý do gia hạn của nghiên cứu sinh (có mẫu ở phần phụ lục). Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại trường. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ khi gia hạn thời gian học tập đến khi bảo vệ cấp trường.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại điều 20 quy định này) thì Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

Vi phạm quy định của trường ở mức độ buộc thôi học.

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định này.

Điều 11. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên

cứu khoa học và thực hiện luận án. Tham gia báo cáo khoa học tại hội nghị nghiên cứu sinh do trường tổ chức.

4. Tuân thủ quy định của trường về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo Quy định của trường.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn.

Đơn vị chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất người hướng dẫn nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.

2. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh; triển khai đánh giá luận án của nghiên cứu sinh tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của trường.

4. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo Quy định của trường.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Trường về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Trường.

3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.

4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp trường để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học cho nghiên cứu sinh

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ

7. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo Dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (Theo phụ lục III)

b) Vào tháng 12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo Dục và Đào Tạo về công tác đào tạo Tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục IV);

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo Dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng trước đó (Theo mẫu tại phụ lục V);

d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục;

e) Cập nhật dữ liệu văn bằng chứng chỉ lên hệ thống trực tuyến của Bộ Giáo Dục Đào Tạo theo quy trịnh tại quyết định số 233/QĐ-BGDĐT ngày 03/02/2020 nhằm tăng cường công tác quản lý VBCC.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 15. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1.Đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này và quy định của Hiệu trưởng về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 16. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau và yêu cầu bổ sung của trường đối với từng chương trình đào tạo (nếu có):

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Phải nộp trước bảo vệ cơ sở tất cả những yêu cầu về lí lịch khoa học, bảng điểm, văn bằng chứng chỉ, bản thảo nhận xét của 2 thầy hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế (được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền); có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

e) Đã tham gia báo cáo ít nhất 01 bài báo tại Hội nghị nghiên cứu sinh do nhà trường tổ chức, nội dung bài báo là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài luận án.

f) Đã hoàn thành quy trình kiểm tra số liệu trước bảo vệ cơ sở

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Hiệu trưởng quy định chi tiết việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án gồm 7 thành viên (tối thiểu là 05 người), trong đó có 1 chủ tịch hội đồng, 2 phản biện, 1 ủy viên thư ký, và các ủy viên; có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có ít nhất 2 thành viên ngoài trường. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường.

b) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

Điều 17. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của trường. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, cơ sở đào tạo phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của trường, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy định này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, trường gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, trường yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của trường. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho trường và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Trường quy định cụ thể quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; việc bảo mật danh tính và thông tin cá nhân của người phản biện độc lập.

Điều 18. Đánh giá luận án tại cấp trường

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của trường:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập quy định tại điều 17 của Quy định này;

c) Tuân thủ quy định của trường về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

d) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án tại trường bao gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của Trường;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b, khoản 2 Điều 15 Quy địn này (nếu có);

e) Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

f) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập

i) Bản nhận xét của 2 thầy hướng dẫn

k) Đơn xin bảo vệ cấp trường của nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2, Điều này; các tài liệu còn lại do Trường tự tập hợp.

3. Việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo được quy định chi tiết tại Quy định của cơ sở đào tạo, bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng có 7 người (tối thiểu có 05 người), trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của trường và 01 phản biện là người ngoài trường; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh

trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của trưởng; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy định này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

4. Trường tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh do cơ sở đào tạo quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi thành viên Hội đồng có mặt dưới 05 người hoặc vắng mặt quá 01 người;

c) Trường hợp trường tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do trường thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

5. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại trường.

6. Quy định chi tiết việc đánh giá luận án cấp trường trong đó bao gồm quy định thời hạn, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án cấp trường đảm bảo những quy định sau:

a) Luận án phải được đánh giá công khai;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt, trong thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ;

c) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;

d) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;

e) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn: những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

f) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

g) Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

Điều 19. Đánh giá lại luận án tại trường

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án của trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, cơ sở đào tạo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3.Thành phần Hội đồng đánh giá luận án của trường lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

4. Trong trường hợp luận án không được hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng tổ chức và chủ trì đối thoại giữa hội đồng thẩm định luận án và hội đồng đánh giá luận án cấp trường có sự tham gia của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của 02 hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của 02 hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 20. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của trường đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của trường.

2. Trường đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, trường tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Trường lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án tại trường (có chữ ý của tất cả thành viên hội đồng);

b) Nghị quyết đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tich Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

e) Danh sách có chữ ký của các thành viên hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

f) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án.

h) Những tài liệu khác theo quy định của trường.

5. Trường thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 21. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ. Số lượng: 01 bộ.

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ, tóm tắt luận án tiến sĩ (đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo); bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Số lượng: 03 bộ.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của trường;

b) Trường gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với trường trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 22. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do trường cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của trường được áp dụng cho nghiên cứu sinh theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do cơ sở đào tạo cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy định này và Quy định của cơ sở đào tạo được áp dụng cho nghiên cứu sinh;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 18 của Quy định này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

e) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, trường tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, trường xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, trường cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình

đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy định này; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, trường có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Điều 23. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 24. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của trường. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho trường.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh:

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 14 của Quy định này,

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 22 Quy định này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tuỳ theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng nhà trường thành lập theo quy định.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày 25/08/2021 (ngày Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành) tiếp tục thực hiện theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với các khóa tuyển sinh trước ngày 25/08/2021, quy định về tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này; quy định điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn được áp dụng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 16 của Quy định này.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo: Mã ngành đào tạo:

TT	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
1	Học các môn chuyên môn		
	Các môn học bổ sung		
	Các môn học trình độ tiến sĩ		
2	Thực hiện các chuyên đề		
	Chuyên đề 1		
	Chuyên đề 2		
	Chuyên đề 3		
	Bảo vệ chuyên đề		
4	Bảo vệ bài tiểu luận tổng quan LA		
5	Báo cáo kết quả NC trước bộ môn (seminar)		
	Seminar lần thứ nhất		
	Seminar lần thứ hai		
	Seminar lần thứ		
	Seminar tổng thể kết quả NC luận án		
6	Công bố các bài báo về KQNC		
7	Luận án		
	Hoàn thành bản thảo lần 1		
	Báo cáo thông qua luận án tại khoa/ BM		
	Bảo vệ luận án cấp Cơ sở		
	Bảo vệ luận án cấp Trường		

Xác nhận của người HDKH **Chữ ký của NCS**

Xác nhận của Bộ môn (khoa chuyên môn) quản lý NCS

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MẪU BÁO CÁO

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng... năm....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng .... năm ....)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo	Kết quả đánh giá	Ghi chú

Lãnh đạo cơ sở đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MẪU BÁO CÁO

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH ĐỊNH KỲ HẰNG NĂM

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng... năm....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM ....

I. Danh sách nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu trong năm ...

STT[1]	Họ và tên NCS	Ngày sinh	Giới tính	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Quốc tịch	Khóa đào tạo[2]	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên người hướng dẫn độc lập hoặc đồng hướng dẫn[1]		Tên người đồng hướng dẫn 2 (nếu có)		Đơn vị công tác của người hướng dẫn ngoài cơ sở	Tên đề tài luận án	Ngành, mã số	Tên đề tài luận án sau khi điều chỉnh (nếu có)	Số, ngày quyết định công nhận học vị tiến sĩ
								Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo	Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo					
1								x								
2											x					

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm[3]	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của cơ sở đào tạo

Lãnh đạo cơ sở đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

---

[1] Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khóa tuyển sinh.

[2] Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (VD: 2021-2024).

[3] Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước đánh giá 0,75 điểm công trình trở lên

PHỤ LỤC 5
YÊU CẦU VỀ DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU CỦA THÍ SINH

Thí sinh cần trình bày về bài luận xét tuyển như sau:

1. Lý do lựa chọn đề tài , lĩnh vực nghiên cứu
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng kí đi học nghiên cứu sinh
3. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (Nơi thí sinh đăng ký dự thi)
4. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn
5. Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa), kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề nghiên cứu…
6. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp
7. Đề xuất người hướng dẫn

PHỤ LỤC 6

HÌNH THỨC TRÌNH BÀY BÀI LUẬN NGHIÊN CỨU SINH

1. Trình bày trên một mặt giấy, giấy trăng khổ A4, chữ Times New Roman 13 hoặc 14, mật độ chữ thường, không kéo giãn hay nén chữ, dãn dòng đặt ở chế độ 1,5 line.
2. Trang bìa ghi rõ:

   + Bài luận nghiên cứu sinh

   + Tên đề tài hoặc vấn đề nghiên cứu

   + Chuyên ngành

   + Mã số

   + Họ và tên thí sinh

   + Cơ quan công tác

   + Người hướng dẫn khoa học (nếu có)

   Bìa đóng giấy cứng
3. Căn lề:

   + Lề trên: 3,5cm

   + Lề dưới: 3,0cm

   + Lề phải: 2,0cm

   + Lề trái: 3,5cm

Số trang được điền ở giữa lề trên

Trang bìa bài luận được trình bày như sau:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**

(Chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

TÊN BÀI LUẬN DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU

(Chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 24)

Chuyên ngành:

Mã số:

Họ và tên người dự tuyển NCS:

Cơ quan công tác:

Nhiệm vụ đang đảm nhiệm:

Họ và tên người hướng dẫn (nếu có):

HẢI PHÒNG, 20...

(Chữ in hoa, đứng, đậm cỡ 16)

PHỤ LỤC 7

HÌNH THỨC BẢN LUẬN ÁN

Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng không quá 150 trang khổ giấy A4, không kể phụ lục, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của nghiên cứu sinh.

1. Luận án bảo vệ ở cấp cơ sở: đóng bìa mềm

2. Luận án bảo vệ ở cấp trường: đóng bìa cứng, màu đỏ sẫm (màu mận chín), bìa in nhũ vàng.

3. Bố cục luận án theo một trong 2 phương án sau:

a) Phương án 1:

- Mở đầu (Đặt vấn đề) : 2-3 trang
- Chương 1. Tổng quan: 25-30 trang
- Chương 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 20-25 trang
- Chương 3. Kết quả nghiên cứu : 30-35 trang
- Chương 4. Bàn luận: 25-30 trang
- Kết luận: 1-2 trang
- Kiến nghị về việc ứng dụng hoặc nghiên cứu tiếp theo
- Danh mục các bài báo đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án.
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

b) Phương án 2:

- Mở đầu (Đặt vấn đề) : 2-3 trang
- Chương 1. Tổng quan: 25-30 trang
- Chương 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 20-25 trang
- Chương 3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận: 55-65 trang
- Kết luận: 1-2 trang
- Kiến nghị về việc ứng dụng hoặc nghiên cứu tiếp theo
- Danh mục các bài báo đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án.
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

4.Về trình bày:

a) Soạn thảo văn bản:

- Luận án sử dụng chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ.

- Dãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines.

- Lề: lề trên 3,0 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.

- Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy.

b) Tiểu mục:

Các tiểu mục được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 4.1.2.1. chỉ tiểu mục 1 nhóm tiểu mục 2 mục 1 chương 4).

c) Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

- Việc đánh số bảng, biểu đồ, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương ; ví dụ Hình 3.4. có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3.

- Mọi bảng, biểu đồ, hình vẽ … lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Ghi trích dẫn ở dưới của bảng biểu, hình ảnh tham khảo như sau:

* Nguồn: theo tác giả nào, tạp chí, sách nào (năm bao nhiêu) [số tài liệu tham khảo].

- Đầu đề của bảng ghi phía trên bảng bảng.

- Đầu đề của ảnh, biểu đồ và hình vẽ, phương trình ghi phía dưới của chúng.

- Ví dụ:

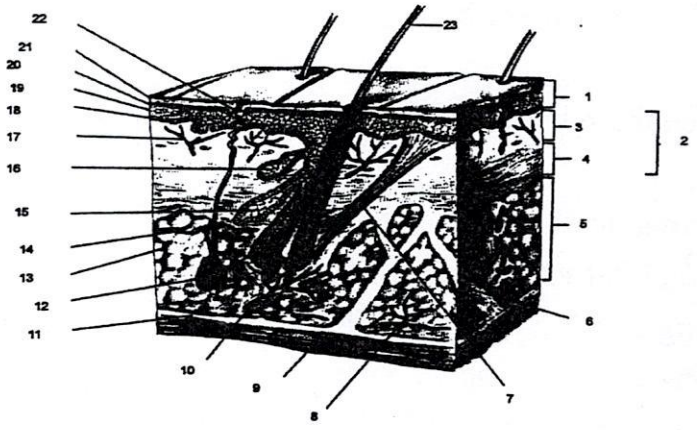

Hình 1.1. Cấu trúc của da

** Nguồn: theo Bernnet R.G. (1988)* [76]

Bảng 1.2: Phân bố các trường hợp nhiễm HIV/AIDS theo khu vực

Khu vực	Thời gian dịch xuất hiện	Luỹ tích nhiễm HIV hết 2006	Tỷ lệ (%) nhiễm HIV ở người lớn	Tỷ lệ (%) phụ nữ nhiễm HIV	Hình thái lây truyền HIV chủ yếu
Cận Sahara châu Phi	Cuối 70 đầu 80	24,7 triệu	5,9	59,0	Tình dục khác giới
Nam, Đông Nam Á	Cuối 80	7,8 triệu	0,6	29,0	Tình dục khác giới, TCMT
Mỹ La tinh	Cuối 70 đầu 80	1,7 triệu	0,5	1,0	Tình dục đồng tính nam, TCMT, tình dục khác giới
Đông Á	Cuối 80	750 nghìn	0,1	29,0	TCMT, tình dục khác giới, đồng tính nam

** Nguồn: theo **UNAIDS/WHO** (2006) [141]*

d) Viết tắt :

- Danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận án
- Danh mục chữ viết tắt được trình bày như sau :

DANH MỤC CÁC CHỮ, KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

TT	Phần viết tắt	Phần viết đầy đủ
1	BN	Bệnh nhân
2	WHO	World Health Organization (Tổ chức Y tế thế giới)

PHỤ LỤC 8

HƯỚNG DẪN CÁCH TRÍCH DẪN TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ LẬP DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận văn, luận án, khóa luận, bài báo....

Trích dẫn tham khảo có ý nghĩa quan trọng đối với báo cáo nghiên cứu khoa học (làm tăng giá trị đề tài nghiên cứu nhờ có đối chiếu, tham khảo, so sánh,... với các nguồn tài liệu từ bên ngoài, thể hiện rõ nguồn gốc các thông tin thu thập được) và với người viết báo cáo (phát triển năng lực nghiên cứu: nhờ quá trình tìm kiếm và chọn lọc những thông tin có chất lượng, giúp làm tăng khả nặng tự học, tự tìm kiếm thông tin và khai thác thông tin; bồi dưỡng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tránh hành động đạo văn...). Có hai cách trích dẫn phổ biến nhất là trích dẫn theo "tên tác giả - năm" (hệ thống Havard) và trích dẫn theo chữ số (hệ thống Vancouver) là cách hiện đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam lựa chọn.

Nguồn trích dẫn phải được ghi nhận ngay khi thông tin được sử dụng. Nguồn trích dẫn có thể được đặt ở đầu, giữa hoặc cuối một câu, cuối một đoạn văn hay cuối một trích dẫn trực tiếp (ví dụ hình vẽ, sơ đồ, công thức, một đoạn nguyên văn).

2. Các hình thức và nguyên tắc trích dẫn tài liệu tham khảo

2.1. Hình thức trích dẫn

Trích dẫn trực tiếp là trích dẫn nguyên văn một phần câu, một câu, một đoạn văn, hình ảnh, sơ đồ, quy trình,... của bản gốc vào bài viết. Trích dẫn nguyên văn phải bảo đảm đúng chính xác từng câu, từng chữ, từng dấu câu được sử dụng trong bản gốc được trích dẫn. "Phần trích dẫn được đặt trong ngoặc kép", [số TLTK] đặt trong ngoặc vuông. Không nên dùng quá nhiều cách trích dẫn này vì bài viết sẽ nặng nề và đơn điệu.

Trích dẫn gián tiếp là sử dụng ý tưởng, kết quả, hoặc ý của một vấn đề để diễn tả lại theo cách viết của mình nhưng phải đảm bảo đúng nội dung của

bản gốc. Đây là cách trích dẫn được khuyến khích sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Khi trích dẫn theo cách này cần cẩn trọng và chính xác để tránh diễn dịch sai, đảm bảo trung thành với nội dung của bài gốc.

Trích dẫn thứ cấp là khi người viết muốn trích dẫn một thông tin qua trích dẫn trong một tài liệu của tác giả khác. Ví dụ khi người viết muốn trích dẫn một thông tin có nguồn gốc từ tác giả A, nhưng không tìm được trực tiếp bản gốc tác giả A mà thông qua một tài liệu của tác giả B. Khi trích dẫn theo cách này không liệt kê tài liệu trích dẫn của tác giả A trong danh mục tài liệu tham khảo. Một tài liệu có yêu cầu khoa học càng cao thì càng hạn chế trích dẫn thứ cấp mà phải tiếp cận càng nhiều tài liệu gốc càng tốt.

2.2. Một số nguyên tắc về trích dẫn tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn và sử dụng trong các phần đặt vấn đề, tổng quan, phương pháp nghiên cứu, bàn luận. Phần giả thiết nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị không sử dụng tài liệu tham khảo.

Cách ghi trích dẫn phải thống nhất trong toàn bộ bài viết và phù hợp với cách trình bày trong danh mục tài liệu tham khảo.

Việc trích dẫn là theo thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, 314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông và theo thứ tự tăng dần, cách nhau bằng dấu phảy và không có khoảng trắng, ví dụ [19],[25],[41].

Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

Không ghi học hàm, học vị, địa vị xã hội của tác giả vào thông tin trích dẫn.

Tài liệu được trích dẫn trong bài viết phải có trong danh mục tài liệu tham khảo.

Tài liệu được liệt kê trong danh mục tham khảo phải có trích dẫn trong bài viết.

Không trích dẫn tài liệu mà người viết chưa đọc. Chỉ trích dẫn khi người viết phải có tài liệu đó trong tay và đã đọc tài liệu đó. Không nên trích dẫn những chi tiết nhỏ, ý kiến cá nhân, kinh nghiệm chủ quan, những kiến thức đã trở nên phổ thông.

Khi một thông tin có nhiều người nói đến thì nên trích dẫn những nghiên cứu/ bài báo/ tác giả có tiếng trong chuyên ngành.

3. Xây dựng và cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trình tự sử dụng (trích dẫn) trong luận văn, luận án, bài viết...không phân biệt tiếng Việt, Anh, Pháp... Tài liệu tham khảo được trích dẫn theo số (đã được xác định trong danh mục tài liệu tham khảo), không theo tên tác giả và năm. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì có thể ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Không nên dùng luận văn, luận án, Website và hạn chế dùng sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

3.1. Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, tập san được trình bày như sau:

Họ và tên tác giả được viết đầy đủ đối với tên người Việt Nam; Họ (viết đầy đủ), tên gọi và tên đệm (viết tắt) đối với tên người nước ngoài. Nếu bài báo có nhiều tác giả, cần ghi tên 3 tác giả đầu và cộng sự (et al-tiếng Anh), năm xuất bản (trong ngoặc đơn), Tên bài báo., *Tên tạp chí, tập san* (*ghi nghiêng*), tập (số, không có dấu ngăn cách, đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn), các số trang (gạch nối giữa hai số, dấu chấm kết thúc). Ví dụ:

1. Nguyễn Kim Sơn, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Bảo Sơn và cộng sự (2010), Đột biến gen mã hóa EGFR trong ung thư phổi, *Tạp chí nghiên cứu y học,* 3, tr.30-37.

2. Amanda B.R, Donna P.A, Robin J.L et al (2008), Total prostate specific antigen stability confirmed after long-term storage of serum at -80C, *J.Urol,* 180(2), pp. 534-538.

3.2. Tài liệu tham khảo là một chương (một phần) trong cuốn sách ghi như sau:

Họ và tên tác giả hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). Tên phần (hoặc chương), *Tên sách (ghi nghiêng,* dấu phẩy cuối tên), lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia), tập, trang.. Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

Kouchoukos N.T (2013). Postoperative care. *Kirklin/Barratt-Boyes Cardiac Surgery,* fourth edition, Elsevier Saunder, Philadenphia, 1, 190-249.

3.3. Tài liệu tham khảo là sách ghi như sau:

Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). *Tên sách* (*ghi nghiêng,* dấu phẩy cuối), lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia, đặt dấu chấm kết thúc). Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

- Trần Thừa (1999). *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Phạm Thắng và Đoàn Quốc Hưng (2007). *Bệnh mạch máu ngoại vi*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002). *Các văn bản pháp luật về đào tạo sau đại học,* Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Boulding K.E (1995). *Economic Analysis*, Hamish Hamilton, London
- Grace B. et al (1988). *A history of the world,* NJ: Princeton University Press, Princeton.

3.4. Tài liệu tham khảo là luận án, luận văn, khóa luận ghi như sau:

Tên tác giả, năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). *Tên đề tài luận án, luận văn* (*ghi nghiêng,* dấu phẩy cuối tên luận án/luận văn), bậc học, tên chính thức của cơ sở đào tạo. Ví dụ:

Đoàn Quốc Hưng (2006). *Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị ngoại khoa bệnh thiếu máu chi dưới mạn tính do vữa xơ động mạch*, Luận án tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

Nguyễn Hoàng Thanh (2011). *Nghiên cứu mức sẵn sàng chi trả cho cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường tại huyện Kim Bảng, Hà Nam năm 2010,* Luận văn Thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

3.5. Tài liệu tham khảo là bài báo đăng trong các kỷ yếu của hội nghị, hội thảo, diễn đàn... ghi như sau:

Tên tác giả (năm), Tên bài báo, *Tên kỷ yếu/tên hội nghị/diễn đàn* (ghi nghiêng), Địa điểm, thời gian tổ chức, cơ quan tổ chức, số thứ tự trang của bài báo trong kỷ yếu. Ví dụ:

Nguyễn Đức Chính, Phạm Hải Bằng, Phạm Văn Trung và cs (2013), Nhận xét tình hình bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS điều trị tại bệnh viện Việt Đức giai đoạn 2010-2012, *Hội nghị khoa học quốc gia về phòng chống HIV/AIDS lần thứ V*, Trường Đại học Y Hà Nội ngày 2-3/12/2013, Bộ Y tế, tr. 342-346

3.6. Tài liệu tham khảo là các giáo trình, bài giảng hay tài liệu lưu hành nội bộ:

Cần cung cấp thông tin cơ bản về tên tác giả, năm xuất bản, tên giáo trình, bài giảng, nhà xuất bản (nếu có), đơn vị chủ quản. Ví dụ:

Tạ Thành Văn (2013), *Giáo trình Hóa sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

Hội đồng chức danh Nhà nước (2012), *Văn bản pháp quy và tài liệu hướng dẫn việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2012,*. Hà Nội, tháng 5 năm 2012.

3.7. Tài liệu tham khảo trích dẫn từ nguồn internet, báo mạng (hết sức hạn chế loại trích dẫn này)

Tên tác giả (nếu có), năm (nếu có). Tên tài liệu tham khảo, <đường dẫn để tiếp cận tài liệu đó>, thời gian trích dẫn. Ví dụ:

Nguyễn Trần Bạt (2009). Cải cách giáo dục Việt Nam, <http://www.chungta.com/Desktop.aspx/chungtasuyngam/giaoduc/cai_cach_giao_duc_Viet_Nam/>, xem 12/3/2009

Anglia Ruskin University. Havard system of Referencing Guide. [online] Available at: http://libweb.anglia.ac.uk/referencing/havard.htm [Accessed 12 August 2011]

PHỤ LỤC 9-A

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ. Các nội dung trong ba chuyên đề này sẽ được nghiên cứu sinh sử dụng trong phần tổng quan và hoặc phần bàn luận của luận án. Nội dung chuyên đề, tên chuyên đề sẽ do thày hướng dẫn quyết định và phải được viện/khoa/bộ môn xem xét đồng ý. Thông thường bao gồm 1 chuyên đề cơ sở - cơ bản (các vấn đề có tính nghiên cứu cơ bản, nền tảng liên quan tới đề tài), 1 chuyên đề hỗ trợ (các vấn đề liên quan mật thiết, sẽ được đề cập và hỗ trợ cho đề tài nghiên cứu) và 1 chuyên đề lâm sàng, cận lâm sàng hay một vấn đề liên quan trực tiếp hoặc là một phần - một khía cạnh trong nghiên cứu chính của nghiên cứu sinh. Ví dụ với đề tài nghiên cứu về ung thư có thể lựa chọn 3 chuyên đề là giải phẫu bệnh (cơ sở), chẩn đoán hình ảnh (hay y học hạt nhân - hỗ trợ), lâm sàng cập nhật các phương pháp điều trị mới trong ung thư. Với đề tài về chuyên ngành ngoại có thể chọn chuyên đề giải phẫu ứng dụng cập nhật (cơ sở), gây mê (hay hồi sức - hỗ trợ), đặc điểm chẩn đoán và kết quả điều trị. Với nghiên cứu về Y tế công cộng - Y học dự phòng có thể lựa chọn chuyên đề dịch tễ học (cơ sở), phương pháp nghiên cứu (hay thống kê y học - hỗ trợ), mô hình phân bố bệnh tật tại địa phương.

PHỤ LỤC 9 – B

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

Bài luận dài khoảng 30 - 40 trang, in trên khổ giấy trắng A4, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ; dãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm.

Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, đóng bìa mềm, hình thức theo qui định (phụ lục 2c), gồm những nội dung sau đây:

A. Mục lục

1. Đặt vấn đề: 1-2 trang Nêu khái quát những vấn đề liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án.

2. Nội dung: 2.1. Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án (7-10 trang). 2.2. Trình bày những quan điểm, luận điểm, cơ sở lý thuyết, các kiến thức cơ sở và chuyên ngành liên quan mật thiết đến nội dung đề tài luận án. 2.3. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án (20-25 trang). • Hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài. • Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án. • Nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

3. Kết luận: (1-2 trang)

B. Tài liệu tham khảo: Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên.

1. Mẫu trang bìa chuyên đề tiến sĩ hoặc Tiểu luận tổng quan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**

(Chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

(Chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 16)

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

(Chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 16 -18)

TÊN CHUYÊN ĐỀ

(Chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 24)

CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

(Chữ in hoa, đứng, đậm cỡ 16)

HẢI PHÒNG, 20...

(Chữ in hoa, đứng, đậm cỡ 16)

2. Mẫu trang phụ bìa chuyên đề tiến sĩ hoặc Tiểu luận tổng quan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

TÊN CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học:
(Chữ in thường, đứng, cỡ 16)

Cho đề tài: *(Chữ in thường, đứng, đậm, cỡ 16)*

Chuyên ngành: *(Chữ in thường, đứng, cỡ 16)*
Mã số: *(Chữ in thường, đứng, cỡ 16)*

CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ
(Chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

HẢI PHÒNG, 20....

PHỤ LỤC 10

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên : Giới tính :

Ngày, tháng, năm sinh : Nơi sinh :

Quê quán : Dân tộc :

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học, nghiên cứu :

Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay :

Chỗ ở riêng, hoặc địa chỉ liên lạc :

Điện thoại : Nhà riêng

Cơ quan :

Di động :

Email :

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO :

1. Đại học :

Hệ đào tạo :

Thời gian đào tạo từ / đến /

Nơi học (trường, thành phố) :

Ngành học :

Tên đồ án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp :

Ngày và nơi bảo vệ đồ án, luận án hoặc thi tốt nghiệp :

Người hướng dẫn :

2. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo từ / đến /

Nơi học (trường, thành phố) :

Ngành học :

Tên luận văn :

Ngày và nơi bảo vệ luận văn :

Người hướng dẫn :

3. Chuyên khoa cấp II:

Hệ đào tạo:

Thời gian đào tạo từ / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

4. Tiến sĩ:

Hình thức đào tạo:

Thời gian đào tạo từ / đến /

Nơi học: Học viện Quân y

Tên luận án:

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ:

1. **Trình độ ngoại ngữ** (biết ngoại ngữ gì, mức độ nào) :
2. **Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp ; số bằng, ngày và nơi cấp**

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Các bài báo đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án

2. Các bài báo và các công trình khoa học khác

Ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan cử đi học
(Ký tên, đóng dấu)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Bộ môn (khoa chuyên môn) quản lý NCS

PHỤ LỤC 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU CỦA NCS THỜI GIAN 6 THÁNG (TỪ THÁNG....ĐẾN THÁNG....) NĂM 20...

Căn cứ Điều 27 Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành theo Thông tư 10/2009/TT-BGD&ĐT ngày 07/05/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm nghiên cứu sinh phải báo cáo tiến độ học tập và nghiên cứu vào 2 đợt (tháng 6 và tháng 12).

Họ tên NCS:..... Khóa:.....
Bộ môn:..... Khoa:.....
Chuyên Ngành:.....
Đề tài:..... .....

1. Kết quả học tập và nghiên cứu 6 tháng qua (từ tháng.....đến tháng.....năm.....)

1.1. Phần bổ sung kiến thức

.....
.....

1.2. Seminar, chuyên đề tiến sĩ

.....
.....

1.3. Phần nghiên cứu khoa học

** Kết quả cụ thể về lý thuyết*

.....
.....

** Kết quả cụ thể về lâm sàng*

.....
.....

2. Dự kiến kết quả 6 tháng tiếp theo

2.1. Phần bổ túc kiến thức
2.2. Semanar, chuyên đề tiến sĩ
2.3. Phần nghiên cứu khoa học

3. Nhận xét và đề nghị của người hướng dẫn

.....
.....

Bản báo cáo này đã được thông qua tại cuộc họp Bộ môn ngày .../.../.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Cán bộ hướng dẫn NCS **Nghiên cứu sinh**

Bộ môn **Xác nhận của khoa chuyên môn**

PHỤ LỤC 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------*----------**

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 20..

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU CỦA NCS NĂM 20.....

Họ và tên NCS:.....
Địa chỉ liên hệ:.....
Số điện thoại:
NR:.....CQ:.....DĐ:.....E-mail:.....
Tên đề tài:.....
Chuyên ngành:.....Mã số:.....Năm công nhận NCS:.....

1. Các kết quả đã thực hiện:

1.1. Học tập các môn học theo quy định

Đã học xong.....môn học bổ sung,.....môn học trình độ tiến sĩ.

1.2. Thực hiện các chuyên đề:

- Tên chuyên đề
- Đã hoàn thành.....chuyên đề
- Đã bảo vệ .....chuyên đề

1.3. Thực hiện đề tài luận án:

- Tóm tắt nội dung về thực hiện Đề tài (khoảng 100 từ)
- Đã báo cáo (seminar) kết quả thực hiện luận án trước bộ môn.....lần
- Đã công bố.....bài báo (ghi rõ tên tạp chí, tên bài được đăng, số đăng, tên tác giả, trang)
- Đã xong bản thảo lần .....
- Đã báo cáo thông qua luận án ở bộ môn.....
- Đã bảo vệ luận án cấp Cơ sở.....

1.4. Học phí: Đã đóng học phí nămthứ nhất □ và năm thứ hai □ năm thứ ba □

2. Kế hoạch từ nay đến khi hoàn thành luận án

TT	Công việc	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Học các môn chuyên môn		
2	Thực hiện các chuyên đề		
	Chuyên đề 1		

	Chuyên đề 2		
	Chuyên đề 3		
	Bảo vệ chuyên đề		
3	Báo cáo kết quả NC trước bộ môn (seminar)		
	Seminar lần thứ nhất		
	Seminar lần thứ hai		
	Seminar lần thứ		
4	Công bố các bài báo về KQNC		
5	Luận án		
	Hoàn thành bản thảo lần 1		
	Bảo vệ luận án cấp Cơ sở		
	Bảo vệ luận án cấp Trường		

Xác nhận của thầy hướng dẫn KH **Chữ ký của NCS**

Xác nhận của Bộ môn hoặc khoa chuyên môn quản lý NCS

PHỤ LỤC 13

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐƯỢC GIA HẠN THỜI GIAN NGHIÊN CỨU VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;

- Khoa Y tế công cộng.
- Phòng Đào tạo Sau đại học

Tên tôi là: .....

Công tác tại: .....

Hiện đang là nghiên cứu sinh khóa … của Trường Đại học.....

Chuyên ngành: .....

Đề tài luận án: .....

Người hướng dẫn: .....

Những công việc đã hoàn thành đến thời điểm xin gia hạn (kèm theo minh chứng):

- Hoàn thành..... môn học bổ sung, ……môn học trình độ tiến sĩ,
- Hoàn thành…….bài tiểu luận tổng quan,
- Hoàn thành.....chuyên đề tiến sĩ,
- Về thực hiện luận án tiến sĩ:.....
- Học phí và kinh phí hỗ trợ đào tạo đã đóng.

Tôi sẽ hết hạn thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ vào ngày.....tháng....năm.....

Lý do xin gia hạn: (…)

Những công việc sẽ hoàn thành và kế hoạch thực hiện: (…)

Thời gian xin gia hạn: ……. tháng.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Trường Đại học .....cho phép tôi được gia hạn thời gian nghiên cứu và bảo vệ luận án tiến sĩ. Nếu được phép gia hạn học tập, tôi xin chấp hành đầy đủ mọi quy định hiện hành theo quy chế đào tạo sau đại học và các quy định của Trường Đại học.....Tôi xin cam đoan hoàn thành bảo vệ luận án trong thời gian gia hạn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 20.....

Ý kiến của Khoa chuyên môn *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**Ý kiến của cán bộ hướng dẫn** *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**Ý kiến của cán bộ hướng dẫn** *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**Nghiên cứu sinh** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 14

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 20.....

Kính gửi: - Phòng Đào tạo Sau đại học
- Khoa/ Bộ môn ……
- Trường Đại học Y Dược Hải Phòi

Căn cứ (Quyết định) số……/QĐ-YDHP ngày … / … /20... của Đại học Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, cơ quan .....
…….. đã đồng ý cử Ông/Bà .....là cán bộ trong biên chế (hợp đồng) của cơ quan, hiện nay phụ trách công việc .....
……. theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học.Y Dược Hải Phòng, khóa ….. (năm ……), chuyên ngành: với đề tài: .....

Đây là đề tài có ý nghĩa thiết thực với tình hình kinh tế - xã hội đất nước nói chung và với cơ quan nói riêng.....

Trong thời gian qua, mặc dù đã cố gắng thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình, tuy nhiên Ông/Bà …… chưa đảm bảo tiến độ dự kiến bởi những lý do sau:

.....

.....

Để tạo điều kiện cho Ông/Bà…….. có thể hoàn thành những nội dung còn lại của luận án, Cơ quan …… kính đề nghị Trường Đại học. Y Dược Hải Phòng cho phép Ông/Bà …….. được gia hạn thời gian hoàn thành luận án thêm ……. tháng.

Cơ quan …… xin cam kết sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ông/Bà …… hoàn thành luận án trong thời hạn trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 15

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ

Kính gửi: Ban Giám hiệu

Phòng Đào tạo Sau đại học

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là :

Công tác tại :

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh theo quyết định số ...../QĐ-YDHP ngày …./…../……. của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, hình thức đào tạo ……, thời hạn từ ngày …./…../……. đến ngày …./…../……. ; Các quyết định gia hạn, quyết định trả về và các văn bản thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

Sau thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến này tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ với tên đề tài : « ……

……

…….. »

Thuộc chuyên ngành :

Mã số chuyên ngành :

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định cho nghiên cứu sinh, đã báo cáo luận án tại Bộ môn đào tạo và được Bộ môn thông qua.

Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cho phép tôi được bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hải Phòng, ngày ….. tháng ….. năm …..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 16

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Kính gửi: Ban Giám hiệu

Phòng Đào tạo Sau đại học

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là :

Công tác tại :

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh theo quyết định số ……../QĐ-YDHP ngày …./…../……. của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, hình thức đào tạo ……, thời hạn từ ngày …./…../……. đến ngày …./…../……. ; Các quyết định gia hạn, quyết định trả về và các văn bản thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

Sau thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến này tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ với tên đề tài : « ……

……

…….. »

Thuộc chuyên ngành :

Mã số chuyên ngành :

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định cho nghiên cứu sinh, đã bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, được Hội đồng thông qua.

Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cho phép tôi được bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hải Phòng, ngày ….. tháng ….. năm …..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 17

TRANG THÔNG TIN VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành:

Mã số:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Họ và tên Người hướng dẫn:

1.

2.

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tóm tắt những đóng góp mới của luận án (viết ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án)**:**

Ghi chú: Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án trình bày không quá 1 trang giấy khổ A4

Cán bộ hướng dẫn	**Nghiên cứu sinh**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

THE NEW MAIN SCIENTIFIC CONTRIBUTION OF THE THESIS

Name of thesis:

Speciality:

Code:

Full name:

Full name of supervisor:

1.

2.

Educationnal foundation: Haiphong University of Medicine and Pharmacy

Summary of new main scinetific contribution of the thesis

Name oF superviosor	**Name of graduate student**
(Name and signature)	*(Name and signature)*

Phụ lục 18

HÌNH THỨC BẢN TÓM TẮT LUẬN ÁN

1. Tóm tắt luận án được in trên+10giấy kích thước 14,85 × 21cm (khổ giấy A4 gập đôi). Trình bày nhiều nhất không quá 24 trang, in trên hai mặt giấy. Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 11 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương. Mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ. Chế độ dãn dòng là Exactly 17 pt. Lề trên, lề dưới, lề phải, lề trái đều là 2cm.

2. Số của bảng, hình vẽ phải có cùng số như trong luận án.

3. Tóm tắt luận án phải phản ánh trung thực kết cấu bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án.

4. Trang bìa 1, bìa 2, bìa 3 như trình bày ở dưới đây:

a) Mẫu trang bìa 1 của tóm tắt luận án

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Chuyên ngành: ……..

Mã số: ……

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC/ Y TẾ CÔNG CỘNG

HẢI PHÒNG-NĂM

b) Mẫu trang bìa 2 tóm tắt luận án

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Người hướng dẫn khoa học:

1.
2.

Phản biện 1: .....
.....

Phản biện 2: .....
.....

Phản biện 3: .....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường
vào hồi: giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1. Thư viện Quốc Gia
2. Thư viện Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
3. .....

c) Mẫu trang bìa 3 tóm tắt luận án

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Hải An, Lê Năm (2006), "Sử dụng màng nguyên bào sợi đồng loại nuôi cấy trong điều trị vết thương vùng cho da mảnh mỏng", *Tạp chí Y Dược học quân sự,* (31), Hà Nội, tr. 71-77.
2. .... .
3. .... .